

Bản án số: 182/2017/HSST
Ngày 25-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hồng;
2. Ông Ngũ Minh Luận.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Công Tứ - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 143/2017/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2017 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985 tại tỉnh An Giang; nơi ĐKNKTT: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 và bà Lê Thị P, sinh năm 1961; tiền án, tiền sự: Không; hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù theo Quyết định Thi hành án phạt tù số 22/QĐ-CA ngày 30/6/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Đặng Quang T, sinh năm 1995; HKTT: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre; tạm trú: 42/12 khu phố T, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Phan Minh T, sinh ngày 13/10/2000; HKTT: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1984 và bà Cao Mỹ H; HKTT: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Phan Minh T: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1984; HKTT: Ấp Tràm T, xã Vĩnh Đ, huyện Giang T, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương – Là cha người bị hại Phan Minh T. Vắng mặt.

3. Lê Hồng Anh D, sinh ngày 03/3/2002; HKTT: Ấp C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Lê Hồng Anh D: Bà Lâm Út G, sinh năm 1979 và ông Lê Hồng Anh S, sinh năm 1975; HKTT: Ấp C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Lê Hồng Anh D: Bà Lâm Út G, sinh năm 1979; HKTT: Ấp C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương – Là mẹ Lê Hồng Anh D. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Chu D, sinh năm 1987; HKTT: Xóm A, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Ki ốt số A, 158/1 Khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1990; HKTT: Xóm A, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Ki ốt số A, 158/1 khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1970; HKTT: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt, có yêu cầu vắng mặt.

4. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1984; HKTT: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu vắng mặt.

5. Ông Hà Đăng H, sinh năm 1981; HKTT: Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Nguyễn Thanh T là đối tượng không có việc làm ổn định, từ khoảng tháng 02 đến tháng 6/2016, bị cáo thực hiện các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thị xã Thuận An, như sau:

Vụ thứ nhất: Vào cuối tháng 03/2016 Nguyễn Thanh T đến xin việc làm tại một xưởng may không tên tại địa chỉ phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Tại đây, T lấy tên giả là Nguyễn Doãn L và làm quen với Lê Hồng Anh D, sinh năm 2002 và Phan Minh T, sinh năm 2000. Đầu tháng 4/2016 T gặp D và T tại quán cà phê Không Gian X tại địa chỉ 18D/2 đường Ni, Khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Tại đây, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 68F1-004.74 của T và điện thoại di động Nokia Lumia 520 của D nên T giả vờ hỏi mượn điện thoại và xe mô tô trên của D, T thì được cả hai đồng ý cho mượn. Sau khi được T giao xe mô tô biển số 68F1-004.74 và D giao điện thoại di động Nokia Lumia 520 thì T đã đem bán xe mô tô cho người đàn ông không rõ nhân thân, địa chỉ tại khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương với giá 4.500.000 đồng và mang điện thoại bán cho một người đàn ông không rõ nhân thân, địa chỉ ở khu vực cầu vượt B, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 400.000 đồng. Số tiền bán xe và điện thoại T đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ 2: Khoảng tháng 8/2016 Nguyễn Thanh T sử dụng bản photo giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Văn P, sinh năm 1989; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam để xin làm tại xưởng may H tại địa chỉ: 42/12 khu phố T, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Quá trình làm việc, T quen với ông Đặng Quang T, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Tối ngày 16/8/2016 T ngủ chung với ông T tại nhà trọ xưởng may, T biết xe mô tô biển số 71B2-530.50 của ông T gửi trong nhà kho nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 17/8/2016, khi ông T đang tắm trong nhà vệ sinh, T đã lấy chìa khóa xe mô tô của ông T để trên đầu giường rồi đứng ngoài hỏi ông T “em ăn cơm gì?”, ông T nghĩ T đi mua cơm cho mình. Tiếp đó, T vào nhà kho dùng chìa khóa mở khóa xe mô tô biển số 71B2-530.50 rời khỏi xưởng. Sau khi tắm xong ông T đi ra không thấy xe nên ông T điện thoại cho T hỏi việc T có mượn xe ông T không thì T trả lời có. Sau khi lấy được xe T đến tiệm cầm đồ T tại Khu phố A, phường A, thị xã T cầm được 11.000.000 đồng, lấy bóp da và số tiền trong bóp 200.000 đồng rồi bỏ trốn và tiêu xài hết.

Quá trình điều tra T còn khai nhận: Khoảng cuối tháng 02/2016, T làm công nhân tại tổ hợp may bà L, thuộc phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và có làm quen được với ông C (không xác định được nhân thân, địa chỉ), khoảng 20 ngày sau T và Cg đi hát karaoke tại quán ABC thuộc phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Lúc này T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe và điện thoại của ông C nên T giả bộ hỏi mượn xe mô tô biển số 51Y7-9879 và điện thoại di động hiệu Soni 2 sim của ông C. Được ông C đồng ý và giao tài sản, T đã chiếm đoạt tài sản nêu trên và đem cầm chiếc xe cho Hà Đăng H số tiền 800.000 đồng; chiếc điện thoại T đem bán cho người đàn ông tại bến xe Miền Tây được 700.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An đã thông báo truy tìm người bị hại nhưng chưa tìm được.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 08/12/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha kiểu dáng Sirius màu đỏ đen, biển số 71B2-530.50 trị giá 19.000.000 đồng; 01 bóp da trị giá 80.000 đồng.

Biên bản định giá tài sản ngày 23/5/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An kết luận: Xe mô tô biển số 68F1-004.74 giá trị 8.500.000 đồng; điện thoại di động Nokia Lumia 520 giá trị 650.000 đồng.

Cáo trạng số 157/QĐ/KSĐT ngày 04/7/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và đồng ý bồi thường cho ông Đặng Quang T số tiền 23.200.000 đồng; ông Phan Minh T, ông Phan Văn Đ số tiền 16.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng, phân tích tính chất, hành vi của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo mức án tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù, Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi

thường cho ông Đặng Quang T số tiền 23.200.000 đồng; ông Phan Minh T, ông Phan Văn Đ số tiền 16.800.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo thống nhất với tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 4/2016 tại quán cà phê K thuộc Khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, bị cáo Nguyễn Thanh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt xe mô tô biển số 68F1-004.74 của Phan Minh T trị giá 8.500.000 đồng và điện thoại di động Nokia Lumia 520 của Lê Hồng Anh D giá trị 650.000 đồng. Cũng phương thức và thủ đoạn tương tự, vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 17/8/2016, tại địa chỉ: 42/12 khu phố T, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương bị cáo đã chiếm đoạt của ông Đặng Quang T xe mô tô biển số 71B2-530.50 trị giá 19.000.000 đồng, 01 bốp da 80.000 đồng và 200.000 đồng tiền mặt. Hành vi bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng, ý thức xem thường pháp luật nên đã cố ý phạm tội. Bị cáo có nhân xấu: Ngày 01/7/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự; ngày 14/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử phạt 05 năm tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự nhưng không lấy đó làm bài học mà lại liên tiếp dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản; Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả tội phạm đã thực hiện, có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tự thú; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các Điểm o, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù nên tổng hợp hình phạt bản án này và bản án bị cáo đang thi hành buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung hai bản án theo Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên nhận thấy, mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 139 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền bổ sung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn nên miễn.

Đối với hành vi của bị cáo chiếm đoạt của ông C xe mô tô biển số 51Y7-9879 và điện thoại di động hiệu Soni 2 sim, 2 sóng tại quán karaoke ABC thuộc phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, do chưa xác định được bị hại, khi nào xác định được sẽ xử lý ở vụ án khác khi có căn cứ.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Chu D là người nhận cầm xe mô tô 71B2-530.50 của bị cáo với số tiền 11.000.000 đồng, ông D không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 71B2-530.50 mà bị cáo chiếm đoạt của ông T, qua điều tra xác định xe thuộc quyền sở hữu của ông Đặng Văn T (ông T là cha ông T), ông T cho bị cáo mượn sử dụng. Sau khi chiếm đoạt bị cáo đã cầm cho ông Nguyễn Chu D, ông D đã bán xe trên hiện không thu hồi được. Quá trình điều tra ông T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 23.200.000 đồng gồm giá trị xe, giá trị bóp da và số tiền mặt 200.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền 23.200.000 đồng gồm giá trị xe, giá trị bóp da và số tiền mặt 200.000 đồng cho ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với xe mô tô biển số 61F8-004.74 mà bị cáo chiếm đoạt của Phan Minh T, qua điều tra xác định xe thuộc quyền sở hữu của ông Phan Văn Đ (ông Đ là cha của Phan Minh T), ông Đ cho ông T mượn sử dụng, hiện không thu hồi được. Quá trình điều tra, ông T, ông Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 16.800.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường giá trị chiếc xe là 16.800.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia mà bị cáo chiếm đoạt của Lê Hồng Duy A hiện không thu hồi được, do bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng Khoản 1 Điều 139; các Điểm o, p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm tù theo Bản án số 08/2017/HSST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hai bản án là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2016.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 608 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải bồi thường cho ông Đặng Quang T số tiền 23.200.000 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng); bồi thường cho Phan Minh T, Phan Văn Đ số tiền 16.800.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người đại diện hợp pháp; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Bị cáo;
- Lưu HS, THAHS, AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

